

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 86/2009/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Huy động cao nhất mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế; tăng cường liên kết với các tỉnh trong vùng, cả nước và hội nhập quốc tế; phát huy có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế, sớm đưa Thừa Thiên Huế trở thành một trong những trung tâm phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

2. Phát huy tối đa lợi thế so sánh của Cố đô Huế, xây dựng thành phố Huế thành trung tâm hành chính, kinh tế, chính trị của tỉnh, trung tâm du lịch, văn hóa, thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, trung tâm đào tạo chất lượng cao, trung tâm y tế chuyên sâu và trung tâm khoa học của cả nước, trung tâm thương mại và dịch vụ của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

3. Tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút nguồn lực từ bên ngoài để phát triển kinh tế; mở rộng thị trường trong và ngoài nước, tăng cường xuất khẩu các mặt hàng đã qua chế biến sâu; đảm bảo sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ ngày càng cao.

4. Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa (dịch vụ - công nghiệp – nông nghiệp); tạo bước đột phá về chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm, các doanh nghiệp và toàn nền kinh tế.

5. Phát triển bền vững về kinh tế, gắn mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh với mục tiêu phát triển thiên niên kỷ mà Việt Nam đã công bố, đồng thời lấy phát triển công nghiệp, du lịch làm hạt nhân của phát triển kinh tế và coi trọng

phát triển nông nghiệp và nông thôn. Nhanh chóng biến lợi thế thành nguồn lực bên trong vững mạnh, tăng cường liên kết với các tỉnh xung quanh để tạo thành một hệ thống hợp tác phát triển bền vững trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, giữa các đô thị của Vùng, các khu kinh tế, khu công nghiệp thông qua hành lang kinh tế Đông – Tây, quốc lộ 1A, đường bộ cao tốc.

6. Phát huy nhân tố con người, trong đó coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng và phát triển các trung tâm giáo dục, đào tạo chất lượng cao, trung tâm y tế chuyên sâu đi đôi với việc đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa sự nghiệp y tế, giáo dục đào tạo.

7. Coi trọng công tác cải cách hành chính nhất là thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy dân chủ và sức mạnh của các thành phần kinh tế, tạo môi trường đầu tư thân thiện với các nhà doanh nghiệp, các nhà đầu tư và nhân dân, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

8. Bảo đảm phát triển bền vững về xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội đối với khu vực nông thôn, miền núi.

9. Bảo đảm phát triển bền vững môi trường sinh thái, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo tồn, phát huy và phát triển nền văn hóa truyền thống, các giá trị văn hóa lịch sử của Cố đô Huế, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường sinh thái, không làm tổn hại và suy thoái môi trường, cảnh quan thiên nhiên, các di tích văn hóa lịch sử.

10. Quốc phòng, an ninh luôn được củng cố vững chắc, bảo đảm tốt phòng thủ tuyến biên giới trên đất liền và trên biển. Duy trì hữu nghị quan hệ với các tỉnh láng giềng khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Triển khai nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phù hợp với đặc điểm của một địa bàn xung yếu.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là trung tâm của khu vực miền Trung và một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước về văn hóa, du lịch, khoa học – công nghệ, y tế chuyên sâu, giáo dục – đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao. Phấn đấu đến năm 2020, Thừa Thiên Huế xứng tầm là trung tâm đô thị cấp quốc gia, khu vực và quốc tế, một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học – công nghệ, y tế, đào tạo lớn của cả nước và khu vực các nước Đông Nam Châu Á; có quốc phòng, an ninh được tăng cường, chính trị - xã hội ổn định, vững chắc; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể

a) Mục tiêu kinh tế

- Phấn đấu mức tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm thời kỳ 2006 – 2010 đạt 15 – 16%; thời kỳ 2011 – 2020 đạt 12 – 13%. Nhanh chóng đưa mức GDP/người tăng kịp và vượt so với mức bình quân chung của cả nước ngay trong thời kỳ 2006 – 2010 và đạt trên 1.000 USD (giá năm 2005) vào năm 2010, đến năm 2020 đạt trên 4.000 USD/người (giá thực tế);

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đến năm 2010, cơ cấu kinh tế sẽ là: dịch vụ 45,9%, công nghiệp – xây dựng 42,0%, nông – lâm – ngư nghiệp 12,0%; đến năm 2015 tỷ trọng này tương ứng là

45,4% - 46,6% - 8,0% và đến năm 2020 là 47,4% - 47,3% - 5,3%;

- Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đạt ít nhất 300 triệu USD vào năm 2010 và khoảng 1 tỷ USD vào năm 2020;

- Phấn đấu đạt tỷ lệ thu ngân sách chiếm khoảng 13 – 14% từ GDP vào năm 2010 và trên 14% vào năm 2020.

b) Mục tiêu xã hội

- Tạo chuyển biến cơ bản về văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí, giải quyết tốt các vấn đề bức xúc về xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân;

- Giảm dần tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2006 – 2010 dưới 1,2%, giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,3 – 0,4‰; sau năm 2010, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống khoảng 1,1 – 1,2%.

- Phấn đấu ổn định và từng bước giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị xuống còn khoảng 5%; nâng thời gian sử dụng lao động khu vực nông thôn lên trên 80% vào năm 2010 và khoảng 90% vào năm 2020. Nâng số lượng lao động được giải quyết việc làm lên trên 14 nghìn lao động/năm giai đoạn 2006 – 2010 và 16 – 17 nghìn lao động/năm giai đoạn 2011 – 2020. Phấn đấu đến năm 2010, lao động xuất khẩu đạt 2.000 – 2.500 lao động/năm; đến năm 2020 đạt 5.000 – 6.000 lao động/năm. Tăng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề lên 40% vào năm 2010 và trên 50% vào năm 2020.

- Đến năm 2010, tỷ lệ học sinh huy động so với dân số trong độ tuổi ở các bậc học như sau: mẫu giáo trên 70%; tiểu học trên 99,5%; trung học cơ sở trên 99% và phổ thông trung học là 62%. Đến năm 2020, tỷ lệ như sau: nhà trẻ là 50%, mẫu giáo trên 90%, tiểu học 100%, trung học cơ sở 99,9%, trung học phổ thông 75%. Đến năm 2010, hoàn thành cơ bản phổ cập giáo dục trung học ở thành phố Huế và các huyện đồng bằng;

- Đến năm 2010, có 98% số hộ có điện sử dụng; 95% dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh;

- Hạn chế và giảm đáng kể, tiến tới loại trừ các bệnh nhiễm vi rút HIV/AIDS và các bệnh dịch khác. Duy trì kết quả 100% trạm y tế xã có bác sỹ; đến năm 2010, đạt 12 bác sỹ/vạn dân và khoảng 15 bác sỹ/vạn dân vào năm 2020; tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 37 giường vào năm 2010, trên 40 giường vào năm 2020; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 5% vào năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% vào năm 2010 và dưới 3% vào năm 2020;

- Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh và truyền hình trên toàn Tỉnh. Nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, đưa các môn thể thao mũi nhọn và truyền thống của địa phương tiến kịp trình độ khu vực và cả nước.

c) Mục tiêu về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 55% vào năm 2010 và trên 60% vào năm 2020;

- Bảo vệ môi trường các vùng sinh thái, tránh ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm, bảo vệ rừng ngập nước ven biển, bảo vệ sinh thái đầm phá;

- Các khu đô thị, khu công nghiệp, các cụm công nghiệp và làng nghề phải xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra môi trường;

- Phòng chống, hạn chế đến mức tối đa sự suy kiệt và ô nhiễm các nguồn tài nguyên và các tác hại do thiên tai bão lụt .v.v...

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ HƯỚNG ĐỘT PHÁ

1. Lựa chọn hướng phát triển đột phá

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng và phát huy tiềm lực khoa học công nghệ của Tỉnh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Xây dựng thành phố Huế thành trung tâm văn hóa, du lịch, thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, trung tâm đào tạo đại học và y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao của cả nước, trung tâm dịch vụ của vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và khu vực miền Trung và Tây Nguyên;
- Tập trung phát triển mạnh Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô trên nhiều lĩnh vực như: cảng, dịch vụ cảng, khu công nghiệp, khu phi thuế quan, khu du lịch chất lượng cao, các khu vui chơi giải trí, sân golf.v.v...;
- Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao hiệu quả trong công nghiệp bằng cách phát triển các ngành sản xuất chủ lực: công nghiệp cơ khí, chế tạo và lắp ráp điện tử, công nghiệp công nghệ cao. Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ gắn với các khu, cụm công nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế về tài nguyên, có quy mô và đóng góp lớn vào ngân sách nhà nước như sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, chế biến đồ uống và công nghiệp thực phẩm.v.v... Xây dựng các khu, cụm công nghiệp nhỏ và vừa gắn với quá trình đô thị hóa, tạo việc làm phi nông nghiệp. Tập trung lấp đầy các khu công nghiệp; xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp nhỏ, vừa, các làng nghề truyền thống ở khu vực nông thôn trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái. Quan tâm đến phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhất là làng nghề truyền thống và làng có nghề phục vụ xuất khẩu;
- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng ngành dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường.

2. Định hướng ưu tiên phát triển đến năm 2020.

- Tập trung đầu tư, sớm hoàn chỉnh và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng, hoàn thành xây dựng các công trình lớn;
- Chú trọng phát triển bền vững, giải quyết tốt các vấn đề về an toàn môi trường ngay trong công tác quy hoạch và điều hành;
- Đầu tư phát triển thành phố Huế thành hạt nhân tăng trưởng, làm nòng cốt thúc đẩy để sớm đưa tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đầu tư phát triển mạnh Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô thành trung tâm kinh tế và đô thị quan trọng phía Nam của Tỉnh, từng bước trở thành trung tâm kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước;
- Phát triển khu kinh tế cửa khẩu A Đớt thành một trong những trung tâm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại đường biên giữa Việt Nam với các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông – Tây;
- Cơ cấu lại kinh tế nông thôn, gắn kinh tế nông thôn như một vành đai, vệ tinh phát triển của Khu kinh tế và các đô thị trong Tỉnh; phát triển vùng kinh tế Tam Giang – Cầu Hai;
- Hoàn thiện quy hoạch không gian lãnh thổ theo hướng tạo các đô thị gắn kết với nhau và với các khu vực nông thôn trên hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ;
- Gắn xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế trong mối quan hệ hữu cơ với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng.
- Gắn phát triển kinh tế với nhiệm vụ bảo đảm an ninh – quốc phòng tạo thế ổn định vững chắc về chính trị để phát triển kinh tế và xã hội.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Dịch vụ

- Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế thành một trong những trung tâm dịch vụ lớn của Vùng trên cơ sở nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ du lịch, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, y tế, giáo dục .v.v... Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ để trở thành ngành kinh tế động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội với các trung tâm dịch vụ lớn là đô thị Huế, Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt.

- Phát triển bền vững ngành du lịch nhằm đạt được các mục tiêu cả về kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường; đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh. Phấn đấu đến năm 2010, thu hút từ 2 – 2,5 triệu lượt khách du lịch/năm, trong đó đạt 1 triệu lượt khách quốc tế/năm; tăng doanh thu du lịch 30%/năm trong giai đoạn 2006 – 2010; tốc độ tăng trưởng về số lượng khách du lịch từ 15 – 20%/năm trong giai đoạn 2011 – 2020.

- Khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, lịch sử và văn hóa, quảng bá mạnh thương hiệu Huế trên các thị trường tiềm năng; đa dạng hóa và nâng cao các sản phẩm du lịch; xây dựng chiến lược phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển ngành du lịch.

- Xây dựng chiến lược chung về hội nhập quốc tế các lĩnh vực dịch vụ và chiến lược cạnh tranh cho các hàng hóa dịch vụ của Tỉnh phù hợp với lộ trình các cam kết hội nhập.

- Đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và dịch vụ, tăng khả năng xuất khẩu các mặt hàng đã qua chế biến sâu, hàng hóa có giá trị gia tăng cao. Chủ động tìm kiếm thị trường quốc tế, duy trì và phát triển các thị trường truyền thống EU, Nhật Bản, ASEAN, quan tâm đúng mức ngoại thương với cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

2. Công nghiệp

- Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh các sản phẩm công nghiệp. Phấn đấu đưa giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 21% giai đoạn 2006 – 2010, 15% giai đoạn 2011 – 2015 và 14% giai đoạn 2016 – 2020.

- Khai thác tốt những nguồn lực có lợi thế của địa phương. Ưu tiên phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và có hiệu quả cao, chú trọng các ngành có thị trường, công nghệ cao, thu hút nhiều lao động.

- Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm công nghiệp theo hướng hình thành những sản phẩm công nghiệp chủ lực có trình độ công nghệ tiên tiến, có năng lực cạnh tranh. Tập trung xúc tiến đầu tư vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp tin học phần mềm, công nghiệp chế biến sâu về nông sản, thực phẩm; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.v.v...

- Phát triển nghề và làng nghề thủ công nghiệp gắn với phát triển du lịch và xuất khẩu, tận dụng nguồn nguyên liệu và nguồn nhân công tại chỗ, tạo cơ hội công ăn việc làm và tăng thu nhập của người lao động.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt, hạ tầng các khu công nghiệp Phú Bài, Tứ Hạ, Phong Điền, Phú Đa, La Sơn, Quảng Vinh; các cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và làng nghề ở các huyện và thành phố Huế trở thành các trung tâm thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học.

3. Nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Nâng giá trị bình quân 1 ha canh tác đất nông nghiệp lên trên 50 triệu đồng; tỷ trọng chăn nuôi chiếm 40% giá trị sản xuất nông nghiệp; ổn định tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông – lâm – ngư nghiệp với nhịp độ 4 – 5% giai đoạn